

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia
về phòng, chống lãng phí đến năm 2035**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26/11/2013;

Căn cứ Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 26/6/2024 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Quyết định số 1845/QĐ-TTg ngày 02/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 806/QĐ-TTg ngày 22/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí đến năm 2035;

Căn cứ Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 4/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tiêu chí đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên;

Căn cứ Quyết định số 3126/QĐ-UBND ngày 25/7/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 26/6/2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3878/TTr-STC ngày 22/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí đến năm 2035.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp cơ sở (UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường sau khi hoàn thành sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã, kết thúc hoạt động đơn vị hành chính cấp huyện và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp); Tổng Giám đốc, Giám đốc các Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc tỉnh Thanh Hóa quản lý; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2 Quyết định;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Tài chính (để b/c);
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, KTTC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Minh Tuấn

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí đến năm 2035

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Thực hiện Quyết định số 806/QĐ-TTg ngày 22/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí đến năm 2035, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí đến năm 2035 trên địa bàn tỉnh như sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

a) Xác định công tác phòng, chống lãng phí là nhiệm vụ quan trọng, khẩn trương, cấp bách của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước; có vị trí tương đương với phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; được tiến hành mạnh mẽ, kiên quyết, kiên trì, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, kết hợp chặt chẽ giữa phòng ngừa, phát hiện, xử lý và sử dụng đồng bộ các biện pháp chính trị, tư tưởng, tổ chức, hành chính, kinh tế, hình sự.

b) Gắn phòng, chống lãng phí với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, củng cố niềm tin của Nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc.

c) Phòng, chống lãng phí phải kết hợp chặt chẽ với cải cách hành chính, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm phiền hà, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp; gắn kết với cải cách bộ máy, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ công chức, viên chức; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

d) Phòng, chống lãng phí phải gắn kết với thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát; đẩy mạnh đầu tư công minh bạch, công khai, hiệu quả; gắn kết nguồn lực của Nhà nước với huy động các nguồn lực khác để phát triển đất nước.

đ) Phòng chống lãng phí phải gắn với 3 đột phá chiến lược theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XIX; đẩy mạnh khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và gắn kết chặt chẽ với phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung: Ngăn chặn, đẩy lùi lãng phí, góp phần quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, khơi dậy sức dân, cùng đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình, kỷ nguyên phát triển, giàu mạnh, thịnh vượng; giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Xác định công tác phòng, chống lãng phí là nhiệm vụ chung của cả hệ thống chính trị; tăng cường thực thi pháp luật trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, nhất là những lĩnh vực dễ phát sinh lãng phí.

- Xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là người đứng đầu các cấp đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ trong điều kiện mới; cắt giảm thủ tục hành chính, chi phí tuân thủ của người dân, doanh nghiệp.

- Tăng cường các biện pháp phòng ngừa; đẩy mạnh giám sát, kiểm tra, thanh tra, phát hiện, xử lý mạnh, có tính răn đe cao đối với các hành vi lãng phí. Xử lý triệt để những vấn đề, vụ việc gây lãng phí lớn, bức xúc trong dư luận, tạo sức lan tỏa mạnh mẽ.

- Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên, các cơ quan báo chí, truyền thông trong phòng, chống lãng phí.

- Tăng cường công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị, doanh nghiệp và Nhân dân, xây dựng văn hóa phòng, chống lãng phí, đưa thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thành tự nguyện, tự giác, trở thành thói quen, nhiệm vụ hàng ngày.

- Nâng cao năng lực cho các cán bộ, công chức thực hiện công tác phòng, chống lãng phí.

II. CÁC NHÓM NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện chính sách, pháp luật trên các lĩnh vực quản lý kinh tế - xã hội và phòng, chống lãng phí

a) Các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh và các địa phương, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tiếp tục rà soát, tham mưu cho cấp có thẩm quyền hoàn thiện các cơ chế, chính sách, quy định pháp luật trên các lĩnh vực quản lý kinh tế - xã hội và phòng, chống lãng phí; thực hiện rà soát các dự án kéo dài gây lãng phí và đề xuất cơ chế, chính sách xử lý phù hợp, kịp thời, hiệu quả. Đối với các dự án còn tồn đọng, dừng thi công kéo dài, khẩn trương tổng hợp, phân định làm rõ các nhóm nguyên nhân, phương án xử lý và đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý để giải quyết dứt điểm, sớm đưa vào khai thác, sử dụng các dự án phát huy hiệu quả đầu tư, không để tiếp tục lãng phí nguồn lực của Nhà nước và Nhân dân. Thực hiện rà soát, kiến nghị sửa đổi các quy định thủ tục hành chính rườm rà, gây ách tắc, lãng phí nguồn lực; đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền, trong đó quán triệt thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ cải cách triệt để, giảm tối đa thủ tục hành chính, chi phí tuân thủ của người dân, doanh nghiệp.

b) Tiếp tục rà soát, tham mưu hoàn thiện pháp luật về phòng, chống lãng phí theo hướng tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, đồng bộ cho hoạt động giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, phát hiện, xử lý mạnh, có tính răn đe cao đối với các hành vi lãng phí, trong đó chú trọng hoàn thiện các quy định nhận diện hành vi lãng phí và xử lý hành vi lãng phí trong từng lĩnh vực cụ thể; rà soát, cụ thể hóa quy định về trách nhiệm của thủ trưởng các cấp, các ngành và người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống lãng phí ở địa phương, ngành, lĩnh vực, cơ quan, tổ chức, đơn vị.

c) Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số là giải pháp đột phá để nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước, giúp minh bạch hóa thông tin, giảm thất thoát, lãng phí trong quản lý, sử dụng các nguồn lực của Nhà nước, đồng thời là công cụ hữu hiệu trong phòng, chống lãng phí. Tăng cường phối hợp, chia sẻ dữ liệu, xây dựng quy trình xử lý liên thông giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương để đảm bảo các vụ việc lãng phí, tiêu cực được phát hiện, xử lý kịp thời. Thường xuyên rà soát, sửa đổi kịp thời các quy định không còn phù hợp, tạo hành lang cho các mô hình kinh tế mới như kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn, trí tuệ nhân tạo... đảm bảo khung pháp lý không trở thành rào cản của sự phát triển, đồng thời bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp.

2. Tập trung xây dựng, tinh gọn bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức hiệu lực, hiệu quả

a) Thực hiện nghiêm các Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, trọng tâm là rà soát, sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối bên trong các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Cắt giảm đầu mối trung gian không cần thiết, sắp xếp tổ chức theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực theo nguyên tắc một cơ quan thực hiện nhiều việc, một việc chỉ giao một cơ quan chủ trì và chịu trách nhiệm chính; khắc phục triệt để tình trạng chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, chia cắt về địa bàn, lĩnh vực. Rà soát, đánh giá lại việc giao và quản lý biên chế.

b) Xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là người đứng đầu các cấp đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ trong điều kiện mới. Tập trung đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức theo hướng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, gắn với vị trí việc làm và chức danh công chức, chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới, nâng cao kỹ năng lãnh đạo, quản lý cho đội ngũ cán bộ các cấp, gắn với tiêu chuẩn chức danh và quy hoạch.

c) Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức liêm chính; tiếp tục đổi mới công tác quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, hợp lý về cơ cấu; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cải cách thủ tục hành chính gắn với quy định cụ thể trách nhiệm và kiểm soát chặt chẽ quyền lực; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ, xử lý nghiêm minh, kịp thời những người có sai phạm, vi phạm pháp luật.

d) Triển khai chính sách thu hút, trọng dụng người có tài vào làm việc trong khu vực công; nâng cao đạo đức, văn hóa công vụ và thực hiện có hiệu quả cơ chế bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; chấn chỉnh, khắc phục tình trạng đùn đẩy, né tránh, thiếu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp.

đ) Tích cực đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức, phát huy giá trị dữ liệu của Cơ sở dữ liệu Quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức.

3. Quản lý, sử dụng tài nguyên, nhân lực, vật lực, tài lực hiệu quả, tăng cường tính bền vững; nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng

a) Về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, quản lý nợ công:

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước, đảm bảo chất lượng và gắn với mục tiêu chống lãng phí trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước.

- Đẩy mạnh việc thực hiện quản lý, phân bổ, sử dụng nguồn lực tài chính - ngân sách nhà nước gắn với phân cấp, phân quyền. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật, trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, địa phương, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trong quản lý, phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước, vốn đầu tư công.

- Cắt giảm các khoản chi chưa thực sự cần thiết, triệt để tiết kiệm các khoản chi thường xuyên, đặc biệt là chi mua sắm công, đi công tác trong và ngoài nước, sử dụng xe ô tô công, tổ chức hội nghị, hội thảo, nghiên cứu, khảo sát, tiết kiệm điện, xăng dầu,... để dành nguồn tăng chi đầu tư phát triển và chi các nhiệm vụ cấp bách khác. Kiểm soát chặt chẽ công tác phân bổ, quản lý, sử dụng các khoản chi ngân sách nhà nước. Cắt giảm các chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền quyết định nhưng kém hiệu quả. Không đề xuất mới chương trình, dự án, đề án có nội dung trùng lặp, thiếu tính khả thi, không thực sự cần thiết và có nguồn lực bảo đảm thực hiện.

- Nâng cao chất lượng công tác lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước đảm bảo sát thực tế, phù hợp với yêu cầu và khả năng thực hiện nhằm huy động sử dụng hiệu quả nguồn lực ngân sách nhà nước, tập trung cho các nhiệm vụ ưu tiên của cơ quan, đơn vị, ngành, lĩnh vực, địa phương, chấn chỉnh công tác tổ chức triển khai thực hiện, phấn đấu giải ngân 100% dự toán được phân bổ, được giao thực hiện trong năm.

- Đẩy mạnh đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động đơn vị sự nghiệp công lập, tăng quyền tự chủ và thúc đẩy xã hội hóa các đơn vị sự nghiệp công lập; tiếp tục triển khai tích cực việc giao quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở tính đúng, tính đủ giá dịch vụ công theo lộ trình. Tiếp tục triển khai thực hiện có

hiệu quả Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

- Sử dụng vốn vay ODA và vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội và khả năng trả nợ; triển khai công cụ quản lý nợ theo quy định phù hợp với yêu cầu thực tiễn, gắn với quản lý ngân sách nhà nước, quản lý ngân quỹ nhà nước, bảo đảm hiệu quả, an toàn và thanh khoản của ngân sách nhà nước. Bố trí thanh toán trả nợ các khoản nợ gốc, lãi của ngân sách nhà nước kịp thời, đầy đủ, đúng hạn.

- Thực hiện công khai tài liệu, số liệu ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật về công khai ngân sách nhà nước; đẩy mạnh công tác tuyên truyền và tạo điều kiện cho người dân thực hiện vai trò giám sát ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

b) Về quản lý, sử dụng tài sản công:

- Tiếp tục triển khai đồng bộ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công.

- Sau khi hoàn thành sắp xếp tinh gọn bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương khẩn trương rà soát các tài sản công thuộc phạm vi quản lý để bố trí, sử dụng tài sản công theo tiêu chuẩn, định mức quy định; đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản công dôi dư và tổ chức xử lý tài sản đúng pháp luật, công khai, minh bạch, không để lãng phí, thất thoát tài sản công.

- Đẩy nhanh tiến độ lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo các hình thức xử lý tài sản quy định tại Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ; đảm bảo tiến độ theo Kế hoạch số 57/KH-UBND ngày 01/4/2025 của UBND tỉnh; trong đó, ưu tiên chuyển đổi công năng để làm cơ sở y tế, giáo dục, sử dụng cho các mục đích công cộng khác của địa phương (thư viện, công viên, thiết chế văn hóa, thể thao...); thu hồi để giao tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà của địa phương¹ quản lý, khai thác (quản lý để phục vụ mục tiêu lâu dài của Nhà nước; bảo quản, bảo vệ tài sản; bố trí cho các cơ quan, đơn vị sử dụng tạm thời; cho thuê nhà gắn với đất;...), giao tổ chức phát triển quỹ đất của địa phương quản lý, phát triển và khai thác theo quy định của pháp luật,...

- Quản lý chặt chẽ, hiệu quả việc sử dụng tài sản công vào mục đích khai thác, kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết. Chỉ sử dụng tài sản công vào mục đích khai thác, cho thuê, kinh doanh, liên doanh, liên kết trong các trường hợp được pháp luật quy định, được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phải đảm

¹ Theo quy định tại Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/8/2024 của Chính phủ, tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà bao gồm: (i) Đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác của địa phương được giao nhiệm vụ quản lý, khai thác nhà, đất hoặc phát triển, quản lý, khai thác quỹ đất; (ii) Công ty quản lý, kinh doanh nhà.

bảo theo các yêu cầu quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và văn bản hướng dẫn thi hành.

- Tăng cường quản lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước. Thực hiện xử lý kịp thời tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước sau khi dự án kết thúc theo đúng quy định của pháp luật, tránh làm thất thoát, lãng phí tài sản.

- Căn cứ kết quả Tổng kiểm kê tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý để tiếp tục hoàn thiện hồ sơ pháp lý về tài sản và hạch toán tài sản công theo quy định. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản công.

c) Về quản lý, sử dụng vốn đầu tư công:

- Đẩy mạnh cơ cấu lại đầu tư công, đầu tư phải có trọng tâm, trọng điểm, không phân tán, dàn trải, manh mún, đúng mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đề ra; phát huy vai trò dẫn dắt, lan tỏa, huy động các nguồn lực đầu tư của khu vực ngoài nhà nước, tạo không gian, động lực mới thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu, các cấp quản lý trong đầu tư công. Siết chặt kỷ cương, kỷ luật đầu tư công, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, cản trở làm chậm tiến độ giao vốn, thực hiện, giải ngân vốn; cá thể hóa trách nhiệm người đứng đầu trong trường hợp thực hiện, giải ngân chậm trễ với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao. Kiên quyết không thực hiện đầu tư dàn trải, lãng phí, kém hiệu quả. Không thực hiện đầu tư những dự án chưa thực sự cần thiết, cấp bách. Thực hiện kiểm soát các dự án khởi công mới. Thực hiện đơn giản hóa các thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư công nhưng đảm bảo tính chặt chẽ, không tạo kẽ hở để bị lợi dụng làm thất thoát, lãng phí vốn đầu tư công.

- Nâng cao năng lực phân tích, chất lượng công tác lập kế hoạch, thực hiện tốt công tác chuẩn bị đầu tư, nâng cao tính sẵn sàng, khả thi và khả năng triển khai thực hiện các dự án, hạn chế vướng mắc trong quá trình thực hiện. Coi trọng, nâng cao chất lượng công tác lập quy hoạch, làm căn cứ xây dựng các chương trình và kế hoạch đầu tư công.

- Rà soát các khoản tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư theo đúng quy định của pháp luật, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và hoàn thành các dự án sử dụng vốn đầu tư công và vốn nhà nước khác; sớm đưa vào khai thác, sử dụng các dự án đã hoàn thành nhiều năm, không để lãng phí, nâng cao chất lượng thể chế quản lý đầu tư công, trong đó tập trung vào các khâu dự toán, phân bổ vốn, giao vốn, giải ngân vốn, sử dụng vốn có hiệu quả.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong đầu tư công, trong đó đề cao vai trò giám sát của cộng đồng dân cư trong các vùng ảnh hưởng của dự án; làm rõ trách nhiệm, có chế tài xử lý nghiêm đối với các cơ quan, đơn vị, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đầu tư công, gây

lãng phí, thất thoát. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, theo dõi, giám sát tiến độ dự án đầu tư công.

d) Về quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh:

- Chú trọng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp Nhà nước một cách căn cơ, toàn diện, bài bản, bền vững; đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng hiệu quả các dự án đầu tư phát triển của doanh nghiệp Nhà nước. Rà soát, đánh giá tổng thể hoạt động đầu tư ra nước ngoài, hiệu quả đầu tư ra nước ngoài.

- Sắp xếp, tinh gọn bộ máy; nâng cao khả năng cạnh tranh tại thị trường trong nước và quốc tế; nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và thúc đẩy đầu tư phát triển; tập trung tái cấu trúc bộ máy quản lý hiệu lực, hiệu quả và lực lượng lao động giảm số lượng, nâng cao chất lượng; tái cấu trúc về tài chính, tập trung cho đầu tư phát triển; tái cấu trúc sản xuất, kinh doanh, chuỗi cung ứng, tôn trọng quy luật cạnh tranh, quy luật thị trường có sự quản lý của nhà nước; nâng cao năng lực cạnh tranh, sức chống chịu với các cú sốc kể cả bên trong và bên ngoài; thúc đẩy tăng trưởng, đa dạng hóa thị trường, sản phẩm, tăng cường liên kết với các doanh nghiệp trong nước thuộc các thành phần kinh tế khác nhau, tạo các chuỗi liên kết, cung ứng trong nước, giảm lệ thuộc vào nước ngoài.

- Tăng cường quản lý, sử dụng tài sản của các doanh nghiệp có vốn nhà nước (đặc biệt là nhà, đất) đảm bảo hiệu quả, không làm thất thoát, lãng phí tài sản nhà nước giao.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng khoa học công nghệ, khuyến khích hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo tại doanh nghiệp, tạo động lực bứt phá, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh.

- Rà soát, đánh giá thực trạng doanh nghiệp, tiếp tục cơ cấu lại các đơn vị thành viên, thoái vốn tại các đơn vị yếu kém, thua lỗ, không hiệu quả, duy trì nắm giữ, tăng vốn tại doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phù hợp với ngành nghề chính. Tiếp tục rà soát, đánh giá, làm rõ thực trạng của từng dự án thua lỗ, kém hiệu quả và có phương án xử lý hợp lý, kịp thời, giảm thiểu tối đa tổn thất cho nhà nước và xã hội.

đ) Về quản lý tín dụng đầu tư của Nhà nước:

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động huy động, quản lý và sử dụng vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước, không để xảy ra lãng phí, tiêu cực. Việc xử lý rủi ro tín dụng phải đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

e) Về quản lý vốn nhà nước trong các dự án PPP:

- Thường xuyên tổng kết, đánh giá, hoàn thiện khung pháp lý về đầu tư theo phương thức đối tác công tư; đơn giản hóa thủ tục hành chính nhằm kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về thể chế, pháp luật, khơi thông và

phát huy nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội; giải quyết các khó khăn, vướng mắc cấp thiết trong thực tiễn.

- Đẩy mạnh công khai, minh bạch thông tin ở tất cả các bước trong triển khai dự án PPP. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, kiểm toán dự án PPP; có chế tài xử phạt, quy định rõ ràng về trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các bên liên quan.

g) Về quản lý, sử dụng tài nguyên, khoáng sản:

- Quản lý chặt chẽ, nâng cao hiệu quả sử dụng, phát huy nguồn lực kinh tế, tài chính từ đất đai cho phát triển kinh tế - xã hội, giảm thiểu khiếu kiện trong lĩnh vực đất đai. Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Luật Đất đai, Luật Khoáng sản, Luật Tài nguyên nước, Luật Bảo vệ môi trường; kiểm tra việc quản lý, thực hiện pháp luật về tài nguyên môi trường của các tổ chức, cá nhân. Thực hiện nghiêm việc xử lý, thu hồi các diện tích đất đai, mặt nước sử dụng không đúng quy định của pháp luật, sử dụng đất sai mục đích, sai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, sử dụng lãng phí, kém hiệu quả, bỏ hoang hóa và lấn chiếm đất trái phép. Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên đất theo đúng Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất hàng năm được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên, khoáng sản; kịp thời khắc phục các tồn tại, hạn chế, nâng cao chất lượng quy hoạch để đảm bảo khai thác, sử dụng đất, tài nguyên, khoáng sản tiết kiệm, hiệu quả, bền vững, giảm thiểu thất thoát, lãng phí, tác động tiêu cực đến môi trường.

- Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch. Vận hành hệ thống thông tin đất đai, dữ liệu về quy hoạch sử dụng đất, quản lý cập nhật biến động đến từng thửa đất, công bố công khai, minh bạch tạo điều kiện cho người dân doanh nghiệp tiếp cận thông tin dữ liệu về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Thực hiện nghiêm các chủ trương, định hướng trong điều tra, thăm dò, khai thác, chế biến, xuất khẩu khoáng sản theo Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Kiểm soát chặt chẽ việc khai thác khoáng sản; cân đối giữa khai thác và dự trữ khoáng sản, phát triển bền vững công nghiệp khai khoáng gắn với bảo vệ môi trường và đảm bảo quốc phòng, an ninh. Triển khai thực hiện đề án điều tra, đánh giá tổng thể tiềm năng khoáng sản chiến lược. Thực hiện nghiêm các quy định về đánh giá tác động môi trường, đóng cửa mỏ đối với các dự án khai thác khoáng sản.

- Sử dụng, khai thác tiết kiệm tài nguyên nước theo đúng Quy hoạch về tài nguyên nước, Chiến lược tài nguyên nước quốc gia đã được duyệt. Hoạt động quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước được thực hiện theo phương thức trực tuyến trên cơ sở quản trị thông minh. Nâng cao mức đảm bảo an ninh nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu và phù hợp với các điều ước quốc tế.

Tăng cường bảo vệ tài nguyên nước, bảo đảm số lượng, chất lượng nước đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và giảm thiểu tối đa tác hại do nước gây ra.

- Quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên biển theo Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tăng cường công tác điều tra tài nguyên, môi trường biển; kiểm soát các nguồn ô nhiễm môi trường biển; phát huy tiềm năng, lợi thế phát triển các ngành kinh tế biển bền vững, thịnh vượng, an ninh, an toàn.

- Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên rừng theo đúng Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ, Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ. Phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững theo hướng đa mục đích, đa giá trị trên cơ sở quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng và đất quy hoạch cho mục đích lâm nghiệp. Đa dạng hóa các loại hình tổ chức, hợp tác, liên kết, chia sẻ lợi ích trong sản xuất, kinh doanh lâm nghiệp theo hướng sản xuất xanh, bền vững, tuần hoàn, huy động các nguồn lực hợp pháp phục vụ phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững.

- Tăng cường bảo tồn, phục hồi đa dạng sinh học; xây dựng đồng bộ hệ thống chính sách, pháp luật giải quyết hài hòa giữa phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh nghiên cứu và xây dựng các dự án sử dụng công nghệ tái chế nước thải và chất thải; các dự án sử dụng năng lượng tái tạo như năng lượng gió, năng lượng mặt trời.

h) Về quản lý nguồn nhân lực:

Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện, hiệu quả, thực chất giáo dục, đào tạo; đặt trọng tâm vào xây dựng, phát triển đội ngũ giáo viên có chất lượng cao ở tất cả các cấp học và các loại hình đào tạo; tập trung phát triển nguồn lao động chất lượng cao theo chuẩn quốc tế. Phát triển đại học số, các phương thức đào tạo mở, các nền tảng dạy và học trực tuyến mở, phát triển học liệu mở, nhất là học liệu mở trực tuyến. Đào tạo, đào tạo lại, chuẩn bị nguồn nhân lực số, kỹ năng số cho chuyển đổi số để phát triển kinh tế số, xã hội số. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số trong phát triển thị trường lao động.

i) Về quản lý, tiết kiệm năng lượng:

- Phát triển và mở rộng sử dụng năng lượng tái tạo như điện mặt trời, gió, thủy điện và năng lượng sinh học theo Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023.

- Thực hiện có hiệu quả Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 - 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 280/QĐ-TTg ngày 13/3/2019. Đẩy mạnh áp dụng công nghệ

tiết kiệm năng lượng và quy trình sản xuất hiệu quả năng lượng; tăng cường sử dụng hệ thống quản lý năng lượng thông minh giúp quản lý năng lượng hiệu quả và tối ưu hóa sử dụng năng lượng trong sản xuất và tiêu dùng.

4. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tập trung cắt giảm tối đa thủ tục hành chính, chi phí tuân thủ của người dân, doanh nghiệp

a) Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính đảm bảo các mục tiêu, yêu cầu của Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 ban hành kèm theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, Quyết định số 3740/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026, Kế hoạch 66/KH-UBND ngày 11/4/2025 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ.

b) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng nền tảng số kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, tổ chức. Xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống Chính phủ điện tử, Chính phủ số; tăng cường ứng dụng khoa học, kỹ thuật, công nghệ vào hoạt động quản trị nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội theo hướng công khai, minh bạch, thân thiện, dễ tiếp cận, dễ thực hiện tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, người dân góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, cắt giảm thời gian và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

c) Đẩy mạnh chuyển đổi số gắn với bảo đảm an ninh, an toàn theo Nghị quyết số 57/NQ-TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia và Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 11/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch hành động số 27-KH/TU ngày 13/8/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Khâu đột phá về nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ, chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 5519-QĐ/UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt “Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2021-2025.

d) Tập trung xây dựng xã hội số, số hóa toàn diện hoạt động quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, cá nhân hóa dựa trên dữ liệu và thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính. Kết nối đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, nhất là cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tạo nền tảng tinh gọn bộ máy, cải cách thủ tục hành chính thực chất. Phát triển kinh tế số, xây dựng công dân số.

5. Tập trung giải quyết dứt điểm tồn tại kéo dài đối với các dự án quan trọng, dự án trọng điểm, dự án hiệu quả thấp, tồn đọng, kéo dài gây thất thoát, lãng phí lớn

Thực hiện rà soát, tổng hợp khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án tồn đọng, kéo dài, phân định làm rõ các nhóm nguyên nhân, phương án xử lý và cấp có thẩm quyền xử lý để giải quyết dứt điểm, sớm đưa vào khai thác, sử dụng các dự án phát huy hiệu quả đầu tư, không để lãng phí nguồn lực của Nhà nước và Nhân dân.

6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, xử lý các vụ việc lãng phí

a) Đẩy mạnh, nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tập trung lĩnh vực dễ xảy ra lãng phí, nơi có nhiều đơn, thư, khiếu nại, tố cáo, dư luận xã hội quan tâm, bức xúc.

b) Chủ động áp dụng các biện pháp phòng ngừa; rà soát, kịp thời phát hiện, phòng ngừa, xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân vi phạm, gây thất thoát, lãng phí nguồn lực theo quy định của pháp luật; thực hiện nghiêm kết luận, kiến nghị của các cơ quan chức năng, thu hồi triệt để tiền, tài sản nhà nước; kịp thời khắc phục những hạn chế, bất cập trong cơ chế quản lý, chính sách, pháp luật được phát hiện thông qua công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.

c) Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong phòng ngừa, phát hiện, xử lý hành vi lãng phí. Kịp thời chuyển các vụ việc có dấu hiệu tội phạm đến cơ quan điều tra có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật để răn đe, phòng ngừa.

7. Nâng cao nhận thức, phát huy vai trò và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và Nhân dân trong phòng, chống lãng phí

a) Đổi mới, nâng cao hiệu quả các phương thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống lãng phí ngay từ khâu dự thảo văn bản; tăng cường lồng ghép nội dung giáo dục thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hệ thống giáo dục.

b) Cung cấp thông tin kịp thời, chính xác về công tác phòng, chống lãng phí, những vụ việc lãng phí, nhất là những vụ việc được dư luận quan tâm cho các cơ quan báo chí để tuyên truyền kết quả phòng, chống lãng phí.

c) Xây dựng, triển khai thiết thực các cuộc vận động, phong trào thi đua về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tiếp tục triển khai rộng rãi, có hiệu quả Phong trào thi đua “Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí” theo Kế hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1478/QĐ-TTg ngày 28/11/2022. Kịp thời biểu dương, khen thưởng, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong thực hiện tốt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

d) Tăng cường vai trò, trách nhiệm giám sát, phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề, báo chí trong quá trình xây dựng, thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống lãng phí; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, vận động hội viên, đoàn viên, Nhân dân thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống lãng phí.

đ) Tăng cường dân chủ cơ sở, tạo điều kiện cho hoạt động thanh tra nhân dân và giám sát của cộng đồng dân cư ở cơ sở; kịp thời phát hiện, thông tin, phản ánh, ngăn chặn hành vi gây thất thoát, lãng phí, tiêu cực. Hướng dẫn tổ chức xây dựng, hoàn thiện quy định, bổ sung nội dung về phòng, chống lãng phí vào các hương ước, quy ước và tổ chức thực hiện trong cộng đồng dân cư. Gắn xây dựng đời sống văn hóa với phong trào thi đua yêu nước, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Khuyến khích Nhân dân tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng; thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, tổ chức lễ hội nhằm từng bước xây dựng và hình thành văn hóa tiết kiệm, chống lãng phí trong xã hội.

e) Xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và người đứng đầu trong việc tiếp nhận, xử lý, giải quyết phản ánh thông tin phát hiện lãng phí; thực hiện khen thưởng, bảo vệ người cung cấp thông tin phát hiện lãng phí và xử lý nghiêm các cá nhân cố ý phản ánh, báo cáo, tố cáo sai sự thật để vu khống, gây rối, làm ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tập thể, cá nhân.

8. Tăng cường năng lực cho các cán bộ, công chức thực hiện công tác phòng, chống lãng phí

Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống cho đội ngũ cán bộ thực hiện công tác phòng, chống lãng phí.

III. LỘ TRÌNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Lộ trình thực hiện

a) Giai đoạn thứ nhất (từ năm 2025 đến năm 2030)

- Tham mưu tổ chức, triển khai thực hiện đồng bộ các quy định của pháp luật trong phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi lãng phí.

- Hoàn thành các nhiệm vụ cụ thể trong giai đoạn 2025 - 2030 (chi tiết tại Phụ lục kèm theo) và sơ kết việc thực hiện vào năm 2030.

b) Giai đoạn thứ hai (từ năm 2031 đến năm 2035)

- Phát huy những kết quả đã đạt được trong giai đoạn thứ nhất. Trên cơ sở sơ kết, căn cứ yêu cầu của công tác phòng, chống lãng phí và tình hình thực tiễn, xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2031 - 2035 và đẩy mạnh thực hiện toàn diện các nhóm nhiệm vụ, giải pháp nhằm hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch.

- Tổng kết việc thực hiện Kế hoạch vào năm 2036.

2. Tổ chức thực hiện

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh, các địa phương và các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh quản lý theo chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể tổ chức thực hiện Kế hoạch này. Định kỳ trước 15/11 hằng năm, báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài chính.

- Giao Sở Tài chính là cơ quan đầu mối chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan, tham mưu cho UBND tỉnh triển khai, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch này; chủ động theo dõi, đánh giá, báo cáo tình hình thực hiện hằng năm. Định kỳ trước 15/12 hằng năm, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch trên địa bàn tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài chính theo quy định.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng dân cư tích cực tuyên truyền về vai trò, tầm quan trọng của công tác phòng, chống lãng phí, góp phần thực hiện mục tiêu của Kế hoạch, đồng thời giám sát hoạt động thực hiện của các cơ quan, đơn vị và địa phương./.

Phụ lục
Thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí đến năm 2035 giai đoạn 2025 - 2030
(Kèm theo Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí đến năm 2035 tại Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Nội dung hoạt động cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời điểm hoàn thành
1. Hoàn thiện chính sách, pháp luật trên các lĩnh vực quản lý kinh tế - xã hội và phòng, chống lãng phí					
1.1	Tham mưu cụ thể những nội dung cần thực hiện trong công tác phòng, chống lãng phí	Văn bản	Sở Tài chính	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Năm 2025
1.2	Tham mưu thực hiện Luật Tiết kiệm, chống lãng phí (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn	Văn bản	Sở Tài chính	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Năm 2025
1.3	Tham mưu thực hiện Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn	Văn bản	Sở Tài chính	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Năm 2025
1.4	Tham mưu thực hiện Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn	Văn bản	Sở Tài chính	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Năm 2025
1.5	Tham mưu thực hiện Luật Quy hoạch (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn	Văn bản	Sở Tài chính	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Năm 2025
1.6	Tham mưu thực hiện Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn	Văn bản	Sở Công Thương	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Năm 2025
1.7	Tham mưu thực hiện Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn	Văn bản	Sở Nội vụ	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Năm 2025
1.8	Tham mưu thực hiện Luật Viên chức (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn	Văn bản	Sở Nội vụ	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Năm 2025
1.9	Tham mưu thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn	Văn bản	Sở Nội vụ	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Năm 2025

STT	Nội dung hoạt động cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời điểm hoàn thành
1.10	Tham mưu thực hiện Luật Thanh tra (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn	Văn bản	Thanh tra tỉnh	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Năm 2025
1.11	Tham mưu thực hiện Luật Đấu giá tài sản (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn	Văn bản	Sở Tư pháp	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Năm 2025
1.12	Tham mưu thực hiện Luật Lâm nghiệp (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn	Văn bản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Năm 2025
1.13	Tham mưu thực hiện Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn	Văn bản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Năm 2025
1.14	Tham mưu thực hiện Luật Khí tượng thủy văn (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn	Văn bản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Năm 2026 - 2030
1.15	Tham mưu thực hiện Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn	Văn bản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Năm 2026 - 2030
1.16	Tham mưu thực hiện Luật Đa dạng sinh học (sửa đổi) và các văn bản hướng dẫn	Văn bản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Năm 2026 - 2030
1.17	Tham mưu thực hiện Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý và các văn bản hướng dẫn	Văn bản	Sở Tài chính	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Năm 2025
1.18	Tham mưu thực hiện Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (đối với lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công) và các văn bản hướng dẫn	Văn bản	Sở Tài chính	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Năm 2025
1.19	Tham mưu thực hiện Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2018/NĐ-CP ngày 30/5/2018 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô tại đơn vị lực lượng vũ trang và các văn bản hướng dẫn	Văn bản	Sở Tài chính	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Năm 2025

STT	Nội dung hoạt động cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời điểm hoàn thành
1.20	Tham mưu thực hiện Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 152/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 27/12/2017 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và các văn bản hướng dẫn	Văn bản	Sở Tài chính	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Năm 2025 - 2026
1.21	Tham mưu thực hiện Nghị định/Quyết định của Thủ tướng Chính phủ/ Thông tư quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ 9, kỳ họp thứ 9, kỳ họp thứ 10 và các văn bản hướng dẫn	Văn bản	Cơ quan được Chủ tịch UBND tỉnh phân công chủ trì	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Năm 2025 - 2026
1.22	Tham mưu thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị và các văn bản hướng dẫn	Văn bản	Sở Tài chính	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Năm 2025 - 2026
1.23	Tham mưu thực hiện các Thông tư về tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản hướng dẫn	Văn bản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hằng năm
1.24	Tham mưu thực hiện chính sách, pháp luật giải quyết hài hòa giữa phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn	Văn bản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hằng năm
2. Tập trung xây dựng, tinh gọn bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức hiệu lực, hiệu quả					
	Thực hiện các nội dung, nhiệm vụ thực hiện sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã và xây dựng hệ thống chính quyền địa phương 02 cấp theo Kế hoạch số 47-KH/BCĐ ngày 14/4/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về Tổng kết Nghị quyết 18-NQ/TW		Sở, ban, ngành, địa phương theo phân công	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Năm 2025 - 2026
3. Quản lý, sử dụng tài nguyên, nhân lực, vật lực hiệu quả; tăng cường tính bền vững; nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng					
	Tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng đất, tài nguyên, khoáng sản; kịp thời khắc phục các tồn tại, hạn chế; nâng cao chất lượng quy hoạch sử dụng để đảm bảo khai thác, sử dụng đất, tài nguyên, khoáng sản tiết kiệm, hiệu quả, bền vững, giảm thiểu thất thoát, lãng phí, tác động tiêu cực đến môi trường		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hằng năm

STT	Nội dung hoạt động cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời điểm hoàn thành
3.1	Quản lý, sử dụng tài nguyên đất đai				
-	Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên đất theo đúng Quy hoạch sử dụng quốc gia, Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ; Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm	Kế hoạch	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hằng năm
-	Vận hành hệ thống thông tin đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia tập trung, thống nhất	Hệ thống cơ sở dữ liệu	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Năm 2025
3.2	Quản lý, sử dụng tài nguyên khoáng sản				
-	Thực hiện nghiêm các chủ trương, định hướng trong điều tra, thăm dò, khai thác, chế biến, xuất khẩu khoáng sản theo Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Kế hoạch	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hằng năm
-	Kiểm soát chặt chẽ việc khai thác khoáng sản; cân đối giữa khai thác và dự trữ khoáng sản, phát triển bền vững công nghiệp khai khoáng gắn với bảo vệ môi trường và đảm bảo quốc phòng, an ninh	Kế hoạch	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hằng năm
3.3	Quản lý, sử dụng tài nguyên nước				
-	Sử dụng, khai thác tiết kiệm tài nguyên nước theo đúng Quy hoạch về tài nguyên nước, Chiến lược tài nguyên nước quốc gia đã được duyệt.	Kế hoạch	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hằng năm
-	Hoạt động quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước được thực hiện theo phương thức trực tuyến trên cơ sở quản trị thông minh	Hệ thống quan trắc, vận hành liên hồ chứa	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Năm 2026 - 2030
-	Nâng cao mức đảm bảo an ninh nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu và phù hợp với các điều ước quốc tế	Kế hoạch	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hằng năm
-	Tăng cường bảo vệ tài nguyên nước, bảo đảm số lượng, chất lượng nước đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và giảm thiểu tối đa tác hại do nước gây ra.	Kế hoạch	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hằng năm

STT	Nội dung hoạt động cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời điểm hoàn thành
3.4	Quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên biển				
-	Quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên biển theo đúng Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Kế hoạch	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hằng năm
-	Tăng cường công tác điều tra tài nguyên, môi trường biển; kiểm soát các nguồn ô nhiễm môi trường biển, trên các đảo; phát huy tiềm năng, lợi thế cho phát triển các ngành kinh tế biển bền vững, thịnh vượng, an ninh, an toàn	Kế hoạch	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hằng năm
3.5	Quản lý, khai thác và sử dụng các nguồn tài nguyên khác				
-	Tăng cường bảo tồn, phục hồi đa dạng sinh học	Kế hoạch	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hằng năm
-	Đẩy mạnh nghiên cứu và xây dựng các dự án sử dụng công nghệ tái chế nước thải và chất thải; các dự án sử dụng năng lượng tái tạo như năng lượng gió, năng lượng mặt trời	Kế hoạch	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hằng năm
4. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tập trung cắt giảm tối đa thủ tục hành chính, chi phí tuân thủ của người dân, doanh nghiệp					
4.1	Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm thủ tục hành chính được ban hành đáp ứng yêu cầu về sự cần thiết, tính hợp pháp, tính hợp lý và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính thấp nhất	Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành	Sở, ngành được giao chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hằng năm
4.2	Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính không cần thiết, không hợp lý, không đáp ứng mục tiêu quản lý, gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp	Báo cáo kết quả rà soát	Sở, ngành có thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hằng năm

STT	Nội dung hoạt động cụ thể	Sản phẩm	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời điểm hoàn thành
5. Tập trung giải quyết dứt điểm tồn tại kéo dài đối với các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, dự án hiệu quả thấp, tồn đọng, kéo dài gây thất thoát, lãng phí lớn; các ngân hàng thương mại yếu kém					
	Rà soát, tổng hợp các dự án, công trình chậm tiến độ, tồn đọng kéo dài, hiệu quả thấp, có nguy cơ gây thất thoát, lãng phí	Báo cáo Bộ Tài chính	Sở Tài chính	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Năm 2025
6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra, xử lý các vụ việc lãng phí					
6.1	Kế hoạch thanh tra, tập trung vào lĩnh vực dễ xảy ra lãng phí, nơi có nhiều đơn, thư, khiếu nại, tố cáo, dư luận xã hội quan tâm, bức xúc	Kế hoạch	Thanh tra tỉnh	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hằng năm
6.2	Kế hoạch phòng, chống lãng phí theo chức năng của lực lượng Công an nhân dân	Kế hoạch	Công an tỉnh	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hằng năm
7. Nâng cao nhận thức, phát huy vai trò và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và Nhân dân trong phòng, chống lãng phí					
7.1	Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về nâng cao ý thức của người dân trong thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và tổ chức lễ hội; các quy định của pháp luật về tín ngưỡng	Kế hoạch	Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch	Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Thanh Hóa	Hằng năm
7.2	Rà soát, tổng hợp đánh giá tác động của việc thực thi các quy định pháp luật thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và tổ chức lễ hội	Báo cáo	Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Năm 2030
7.3	Tuyên truyền về Luật Tiết kiệm, chống lãng phí (sửa đổi)		Sở Tài chính	Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình Thanh Hóa	Năm 2025 - 2030
8. Tăng cường năng lực cho các cán bộ, công chức làm công tác phòng, chống lãng phí					
	Bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng trong công tác phòng, chống lãng phí	Kế hoạch	Các sở, ban, ngành, địa phương	Cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Hằng năm